



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.26.00069**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : Monocalcium Phosphate  
**Số lượng/ khối lượng** : 5.320 bao/ 133.000 kg  
**Ngày sản xuất** : 08/12/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : Kunming Chuan Jin Nuo Chemical Co., Ltd, China  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : CJN-VN-MCP251205  
Hóa đơn số : CJN25513-1 ngày 18/12/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 10751/HQ-GDK-TTKN ngày 22/12/2025  
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250043607)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH DINH DƯỠNG VIỆT**  
Địa chỉ: Số 153-155 Đường số 5, Khu phố 10, phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**

Số: 29 /QĐ-TTKN

Ngày 06 tháng 01 năm 2026

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Thanh Tùng**



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
ANALYTICAL REPORT  
Số/No.: 31/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trương Tiến Công

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 10 Nguyễn Công Hoan, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Trương Tiến Công

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 588025121014

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 29/12/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 29/12/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>              | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|-----------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| Monocalcium<br>Phosphate,<br>BNNPTNT292500436<br>07 | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | 1,53               | EN 16278:2012                   |
|                                                     | Chì (Pb) (**)                          | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | <0,6               | AOAC 986.15                     |
|                                                     | Cadimi (Cd) (**)                       | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 1,04               | AOAC 986.15                     |
|                                                     | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |

Cần Thơ, ngày/date: 01/01/2026

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.